

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 12 năm 2019

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2019**  
(Tuần từ ngày 13 tháng 12 năm 2019 đến ngày 19 tháng 12 năm 2019)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	
Bến Cát	0,0	2.098,8	+ 24,7	- 4,0	- 14,2	+ 14,9	+ 33,9	2,3
Bình Long	2,6	1.757,6	- 13,1	+ 11,1	- 32,6	- 27,0	+ 2,6	3,8
Cần Đăng	0,0	1.307,6	- 27,5	- 24,0	- 43,2	- 39,8	- 17,8	3,7
Dầu Tiếng	0,0	2.895,6	+ 61,3	+ 37,6	+ 25,3	+ 30,7	+ 82,8	3,6
Đồng Ban	0,0	1.718,8	+ 0,4	+ 19,4	- 16,8	- 16,7	+ 39,4	3,9
Gò Dầu	0,0	1.958,4	+ 22,8	+ 14,8	+ 2,4	+ 9,4	+ 44,6	3,5
Lộc Ninh	0,0	2.011,4	+ 0,8	- 1,7	- 43,0	+ 14,0	+ 59,2	2,4
Sở Sao	0,0	2.749,6	+ 46,4	+ 22,2	+ 16,9	+ 11,4	+ 33,2	4,6
Tân Sơn Hòa	0,0	1.616,5	- 16,0	- 31,7	- 40,1	- 29,4	- 7,9	2,7
Tây Ninh	0,0	1.697,1	- 12,1	- 5,6	- 19,6	- 29,2	- 10,9	3,6
<b>Trung bình</b>	<b>0,3</b>	<b>1.981,1</b>	<b>+ 8,8</b>	<b>+ 3,8</b>	<b>- 16,5</b>	<b>- 6,2</b>	<b>+ 25,9</b>	<b>3,4</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 8,8%, cao hơn năm 2018 là 3,8%, thấp hơn 16,5% so với năm 2017 và thấp hơn 6,2% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bình Long (2,6 mm) và lượng mưa trong tuần tại các trạm còn lại không có mưa (0,0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 3,4 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017	2016		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	1423,52	90,10	- 1,6	- 0,8	- 3,4	- 11,3	Giảm	49,23
Hồ Càn Nôm	7,99	6,64	83,05	- 11,5	- 11,0	- 14,9	- 10,9	Giảm	65,08
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 25,1	+ 9,8	+ 5,4	+ 39,9	Tăng	79,87
Hồ Tha La	23,47	20,25	86,29	- 4,5	+ 7,3	- 13,2	- 16,5	Tăng	86,29
Hồ Bù Nâu	0,614	0,61	100,00	+ 6,5	0	0	+ 13,1	Tăng	42,98
Hồ Tà Thiết	1,15	1,078	93,73	+ 10,8	- 6,3	- 3,8	+ 15,3	Giảm	27,23
Hồ Rừng Cắm	2,068	1,77	85,39	- 9,3	- 14,6	- 14,6	- 12,4	Giảm	62,47
Hồ Tà Te	0,756	0,76	100,00	+ 3,2	0	+ 0,8	+ 0,8	Tăng	58,85
Hồ Suối Lấp	0,37	0,37	100,00	+ 15,8	+ 0,5	0	+ 23,3	Tăng	88,61
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 24,0	+ 18,3	0	+ 36,9	Tăng	65,54
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>1.620,24<sup>(*)</sup></b>	<b>1.458,82</b>	<b>90,04</b>	<b>+ 5,9</b>	<b>+ 0,3</b>	<b>- 4,4</b>	<b>+ 7,8</b>		<b>49,90</b>

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 12/12/2019 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 1.458,82 triệu m<sup>3</sup> (đạt 90,04% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2018, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn cùng kỳ năm 2016 và TBNN.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 12 của vụ Đông Xuân 2019-2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **45,33** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				Nhu cầu nước tưới tháng 12 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.715,0</b>	<b>1.681,0</b>	<b>35.265,0</b>	<b>447,0</b>	<b>45,33</b>
1	Hồ Dầu Tiếng	6.500	1.647	32.613	440	42,79
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,21
3	Hồ Ba Veng			70		0,04
4	Hồ Tha La			2.237		1,81
5	Hồ Bù Nâu	42		50		0,10
6	Hồ Tà Thiết	70		20		0,22
7	Hồ Rừng Cắm			90		0,05
8	Hồ Tà Te			30		0,02
9	Hồ Suối Lấp			85		0,05
10	Hồ Lộc Thạnh			70		0,04

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 12 năm 2019 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
1	Hồ Dầu Tiếng	182,45
2	Hồ Càn Nôm	1,29
3	Hồ Ba Veng	0,55
4	Hồ Tha La	17,18
5	Hồ Bù Nâu	0,79
6	Hồ Tà Thiết	0,17
7	Hồ Rừng Cẩm	0,53
8	Hồ Tà Te	0,10
9	Hồ Suối Láp	0,30
10	Hồ Lộc Thạnh	0,59

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 12 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 13/12/2019 đến ngày 19/12/2019 như sau:

- **10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cẩm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 13/12/2019 đến 19/12/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	90,10	41.200	89,80	100	41.200	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	83,05	127	81,63	100	127	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	86,29	2.250	86,29	100	2.250	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	100,00	92	100,00	100	92	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	93,73	90	91,64	100	90	Đủ nước
Hồ Rừng Cẩm	85,39	90	84,83	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	100,00	34	100,00	100	34	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	100,00	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>90,04</b>	<b>44.108<sup>(*)</sup></b>	<b>89,74</b>	<b>100</b>	<b>44.108<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> giá trị tổng.

**2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi**

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	1.700,7	+ 24,6	- 13	- 31	Rủi ro hạn thấp

Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu		2.899,2	+ 109,8	+ 61	+ 25	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu						
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu						
	Gia Lộc – Trảng Bàng						
<b>Trung bình</b>			<b>2.300,0</b>	<b>+ 67,2</b>	<b>+ 24</b>	<b>- 3</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 24,0% và cao hơn 67,2% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

### **3. Tổng hợp thông tin hạn hán**

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
44.108	6.715	37.393					

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 19/12/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 1.453,9 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 89,74% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 19/12/2019 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực bắt đầu bước vào mùa khô 2019-2020. Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2019-2020, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 20/12/2019 (tuần sau)/.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**